TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 233/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Đông Thiên
- Các *hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Vân
  2. Ông Trần Ngọc Hoà
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký TANDTPQN
- *Đại diện VKSND TPQN:* Bà Trần Thanh Trang - kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST- DS ngaøy 14.6.2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXSTDS ngày 11.8.2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ
Địa chỉ : 130 Phan Đăng L, phường 3, quận P, TP H
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo uỷ quyền: Anh Lê Thanh P – nhân viên khách hàng CNBĐ
(Văn bản uỷ quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08.8.2022; số 86/QĐ-BĐH ngày 05.5.2023)

Bị đơn : Chị Trương Thị X - SN: 1967
Địa chỉ: tổ 39, KV5, phường N, TP. Q, tỉnh B

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T - SN: 1969
Địa chỉ: tổ 39, KV5, phường N, TP. Q, tỉnh B

Hội liên hiệp phụ nữ phường N, TP. Q

Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thu H - Chủ tịch
Địa chỉ: Đường Đào T, KV2, phường N, TP. Q, tỉnh B

(Anh P, chị H có đơn xin vắng mặt; chị X, anh T vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23.5.2023 và các lời khai tiếp theo đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn anh Lê Thanh P trình bày:

Ngày 16.6.2015 ngân hàng TMCP Đ (Nghg Đ) thông qua Hội LHPN phường N, thành phố Q, có cho chị Trương Thị X vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn mua bán, phương thức trả nợ hàng tháng, tài sản bảo đảm: tín chấp, thành tiền gốc và lãi 22.200.000đ; trên giấy đăng ký vay tiền anh Trần Văn T ký tên bảo lãnh.

Quá trình thực hiện trả nợ từ ngày vay (16.6.2015) đến ngày 19.5.2016 chị X trả gốc và lãi 18.700.000đ, sau đó chị X không trả nữa.

Nay nguyên đơn yêu cầu chị Trương Thị X trả cho Nghg Đ số tiền 7.900.737đ trong đó nợ gốc 3.415.385đ, nợ lãi 4.485.352đ, tính đến ngày 26.9.2023 và tiền lãi phát sinh từ ngày 27.9.2023 cho đến khi trả xong nợ; nếu chị X không trả, hoặc trả không đầy đủ thì anh Trần Văn T là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả thay số nợ trên.

** Bị đơn chị Trương Thị X trình bày:*

Chị thống nhất khoản vay tại Nghg Đ, như nguyên đơn khai báo.

Về quá trình thực hiện trả nợ, chị nộp 2.000.000đ cho bà Nguyễn Thị C, tổ trưởng tổ vay vốn đều đặn hàng tháng; việc nộp tiền cho bà C, chị có ghi sổ tay và được bà C ký xác nhận đã trả xong; hiện nay sổ tay bị lũ cuốn trôi nên không có cung cấp cho Toà;

Bà C hiện nay đã chết, ngân hàng đòi nợ nơi chị, chị có ý kiến: Chị đã trả đầy đủ cho bà Nguyễn Thị C, tổ trưởng tổ vay vốn nên nay không đồng ý trả theo yêu cầu ngân hàng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội liên hiệp phụ nữ phường N - Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Hội liên hiệp phụ nữ phường N, thành phố Q và Nghg Đ – chi nhánh B có ký Hợp đồng liên kết số 06-11 HĐLK-HPN-63 ngày 04.5.2022 về việc ngân hàng hỗ trợ cấp vốn cho hội viên thông qua Hội LHPN phường. Hội LHPN phường N đã thành lập tổ tín dụng vay vốn, ngân hàng tập hợp từng hồ sơ hội viên để thẩm

định phê duyệt. Cuối tháng các hội viên nộp tiền vay góp hàng tháng cho tổ trưởng, để tổ trưởng nộp cho ngân hàng.

Ngày 20.4.2015 chị Trương Thị X có đề nghị vay vốn Nghg Đ - chi nhánh B với số tiền 20.000.000đ, thông qua tổ vay vốn khu vực 5, phường N và được Hội LHPN phường N duyệt hồ sơ vay vốn sau khi cán bộ ngân hàng và tổ trưởng tổ vay vốn bà Nguyễn Thị C thẩm định hồ sơ vay. Nghg Đ - chi nhánh B giải ngân trực tiếp cho hộ vay có sự chứng kiến tổ trưởng tổ vay vốn. Sau khi vay, chị X trả gốc và lãi thông qua tổ vay vốn mà trực tiếp bà C, hiện nay bà C đã chết.

Nay Nghg Đ yêu cầu chị X trả nợ, Hội LHPN phường N, đề nghị Toà giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSNDTPQN tham dự phiên Tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, yêu cầu chị Trương Thị X trả cho Nghg Đ số tiền nợ gốc 3.415.385đ; nếu chị X không trả, hoặc trả không đầy đủ thì anh Trần Văn T là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả thay số nợ trên. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; tại thời điểm thụ lý căn cứ Điều 26 BLTTDS-2015 xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai không được của anh T, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Đây là trường hợp đương sự cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án; Bên cạnh đó, chị X vắng mặt lần 2 tại phiên Toà; chị Nguyễn Thị Thu H người đại diện theo pháp luật Hội LHPN phường N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 227 BLTTDS Toà án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật

Về nội dung:

[3] Đối yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B có cho chị Trương Thị X vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn mua bán, phương thức trả nợ dần hàng tháng, khi vay tiền anh Trần Văn T ký tên bảo lãnh; nên áp dụng khoản 2 điều 470 BLDS đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất

Từ khi vay đến ngày 19.5.2016 chị X trả gốc và lãi 18.700.000đ, sau đó chị X không trả nữa.

Nay nguyên đơn yêu cầu chị Trương Thị X trả tiền cho Nghg Đ số tiền 7.900737đ trong đó nợ gốc 3.415.385đ, nợ lãi 4.485.352đ, tính đến ngày 26.9.2023 và tiền lãi phát sinh từ ngày 27.9.2023 cho đến khi trả xong nợ;

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao dịch giữa Nghg Đ với chị X từ ngày 16.6.2015, thời hạn chị X vi phạm hợp đồng từ ngày 16.6.2016 do không trả nợ từ ngày 19.5.2016 nhưng Nghg Đ không đòi nợ mà đến ngày 23.5.2023 mới có đơn khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS.

Tòa xét, căn cứ khoản 2 Điều 155 BLDS và khoản 2 Mục III giải đáp số 02 ngày 02.8.2021 của Tòa án nhân dân tối cao về 1 số vướng mắc trong xét xử; nên chỉ giải quyết yêu cầu của Nghg Đ về khoản nợ gốc; khoản lãi không xem xét, vì vậy HĐXX chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nghg Đ đối với tiền gốc là 3.415.385đ.

Ngoài ra, trên giấy đăng ký vay tiền ngày 20.4.2015 anh Trần Văn T ký tên bảo lãnh nên chị X không trả, hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì anh Trần

Văn T là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả thay số nợ trên là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

[4] Đối ý kiến bị đơn:

Chị X cho rằng đã nộp đủ tiền gốc và lãi cho nghg Đ thông qua bà C nhưng bà C hiện nay đã chết vào ngày 05.11.2017; chị X khai bà C ghi sổ tay của chị là đã trả xong, hiện nay sổ tay bị lũ cuốn trôi nên không có cung cấp cho Toà; qua lời khai chị X xét thấy không có đầy đủ chứng cứ xác định chị X đã trả xong nợ nên HĐXX không chấp nhận lời khai nại của chị được.

- Ý kiến của đại diện VKSNDTPQN tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm* : Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chị Trương Thị X phải chịu 300.000đ; Nghg Đ phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự - 2015

Căn cứ Điều 155, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự - 2015

Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử* :**

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ

1. Buộc chị Trương Thị X có nghĩa vụ trả số tiền là 3.415.385đ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Trường hợp chị Trương Thị X không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi trả hết nợ.

3. Bác 1 phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về khoản tiền lãi vì không phù hợp theo quy định pháp luật.

4. Bác lời nại chị X đã trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ vì không phù hợp theo quy định pháp luật

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trương Thị X phải chịu 300.000đ

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu 300.000đ nhưng được trừ 468.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003918 ngày 14.6.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 168.000đ.

*6. **Q**uyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1- Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thu hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong , tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Quy Nhơn
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Trần Đông Thiên